TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 368/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2026.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túy Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Xuân Hương.

2. Bà Võ Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Không.

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1440/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 114/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Kim H, sinh ngày 08/12/1982.

Căn cước công dân số: 079182027434.

Địa chỉ: Số A, đường C, ấp T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Văn Minh Q, sinh ngày 15/11/1982.

Căn cước công dân số: 079082024634.

Địa chỉ: Số A, đường Q, ấp Đ, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đặng Thị Kim H trình bày như sau:

Bà và ông Văn Minh Q tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 225 ngày 18/11/2016.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống được hạnh phúc một thời gian. Đến năm 2024, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống,

thiếu sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Cũng từ năm 2024, vợ chồng sống ly thân. Đến tháng 07/2025, bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Từ lúc bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống, ông Q cũng không liên lạc, hỏi thăm. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, bà với ông Q đã sống ly thân nên bà không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà và ông Q 01 con chung tên Văn Minh Như Y1, sinh ngày 08/11/2017. Bà xin trực tiếp nuôi con chung. Bà có ông việc ổn định, thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000đ (Tám triệu đồng) đủ để chăm lo cho con. Bà xác định không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con, sau này nếu cần thiết bà sẽ tự khởi kiện yêu cầu ông Q cấp dưỡng bằng vụ kiện khác.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Bị đơn ông Văn Minh Q đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ đơn xin ly hôn ghi ngày 28 tháng 7 năm 2025, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông Văn Minh Q có nơi cư trú tại Ấp Đ, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà H:

Bà H và ông Q có tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân vào năm 2015, cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 225 cấp ngày 18/11/2016, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn phát sinh: Bà H trình bày sau khi kết hôn, đến năm 2024, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thiếu sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Cũng từ năm 2024, vợ chồng sống ly thân, đến tháng 07/2025, bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Từ lúc bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống, ông Q cũng không liên lạc, hỏi thăm. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, bà với ông Q đã sống ly nên bà nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm, đồng thời giải quyết các mâu thuẫn phát sinh. Tuy nhiên, bị đơn ông

Q vắng mặt. Qua đó đã thể hiện ông Q không có nguyện vọng đoàn tụ và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, bà H xác định bà đã sống ly thân từ năm 2024. Xét thấy, bà H và ông Q không còn tạo điều kiện cho nhau để thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn kéo dài, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3]. Về con chung: Bà H và ông Q có 01 con chung tên Văn Minh Như Y1, sinh ngày 08/11/2017. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng.

Do ông Q vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông đối với vấn đề con chung. Bà H có công việc ổn định, có khả năng về kinh tế để chăm lo cho con. Bên cạnh đó, qua tham khảo ý kiến của cháu Như Y1, cháu có nguyện vọng sinh sống với bà H và hiện con chung cũng đang sinh sống cùng bà H. Nhằm tạo điều kiện để cháu Như Y1 phát triển bình thường cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Như Y1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[4]. Về tài sản chung, về nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp. Do ông Q vắng mặt, nếu ông Q có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Đặng Thị Kim H và ông Văn Minh Q.

2. Về con chung: Giao bà H trực tiếp nuôi con chung tên Văn Minh Như Y1, sinh ngày 08/11/2017. Bà H không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Do ông Q vắng mặt, nếu ông Q có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0038624 ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND KV8-TPHCM;
- UBND xã Củ Chi (xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi cũ), Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TAND KHU VỰC 8

MQW210426.TL.QDBA 3806

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Túy Phượng